TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN MỸ XUYÊN **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
TỈNH SÓC TRĂNG

Bản án số:136/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 06/12/2024.
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung"

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Dương Hải.
- Các Hội thẩm nhân dân : 1. Ông Huỳnh Văn Hiệp
2. Bà Nguyễn Hồng Phượng

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Ngô Thị Tiểu Loan – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 225/2024/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 310/2024/QĐ-ST, ngày 15/11/2024 giữa các đương sự:

- <u>*Nguyên đơn*</u>: Ông Nguyễn Triều T, sinh năm 1985 (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số B, Khóm A phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- <u>*Bị đơn*</u>: Bà Trương Thị Ngọc C, sinh năm 1985 (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp K , xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/72024 nguyên đơn ông Nguyễn Triều T trình bày: Vào năm 2013 ông T và bà C kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, tỉnh Sóc Trăng (Nay là Ủy ban nhân dân phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng). Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống với nhau cũng hạnh phúc cho đến khoảng năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, lý do là tính tình không hợp, bất đồng quan điểm và vợ chồng sống không hạnh phúc. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau nữa nên ông T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà C. Về con chung: Trong thời gian chung sống

vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Trương Khánh V, sinh ngày 20/12/2014 đang sống với bà C. Nay về con chung ông T thống nhất để bà C được quyền nuôi dưỡng con chung, ông T đồng ý cấp dưỡng nuôi con cho bà C mỗi tháng là 2.000.000đồng cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung không nợ ai tài sản gì nên không yêu cầu toà án giải quyết.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 4/12/2024 bị đơn bà Trương Thị Ngọc C trình bày: Bà C thống nhất với lời trình bày của ông T về thời gian kết hôn, thủ tục kết hôn cũng như về con chung, tài sản chung, nợ chung. Nay ông T yêu cầu ly hôn bà C cũng đồng ý, về con chung bà C yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung, ông T thống nhất cấp dưỡng nuôi con cho bà C mỗi tháng là 2.000.000đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi thì bà C cũng đồng ý. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

* Tại phiên toà kiểm sát viên phát biểu về đường lối giải quyết vụ án là đề nghị HĐXX cho ông T được ly hôn với bà C. Về con chung giao cho bà C được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là Nguyễn Trương Khánh V, sinh ngày 20/12/2014 cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi, ông T phải cấp dưỡng nuôi con cho bà C mỗi tháng là 2.000.000đồng cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi. Ông T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không đặt vấn đề xem xét. Đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng*:* Đối với nguyên đơn và bị đơn đều đã có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt. Vì vậy áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông T và bà C theo quy định pháp luật.

Về nội dung:

[1] *Về hôn nhân*:

Ông Nguyễn Triều T và bà Trương Thị Ngọc C tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2013 và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, tỉnh Sóc Trăng (Nay là Ủy ban nhân dân phường B, thị xã N) cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc, sau đó đến năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, và cuối cùng vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay không hàn gắn lại được.

[2] Xét thấy, do trong quá trình chung sống giữa ông T và bà C không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, do đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, sống không hạnh phúc, ông bà đã sống ly thân thời gian dài mà không có điều kiện hàn gắn trở lại. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa hai người là trầm trọng, cuộc sống chung không có cơ sở để tồn tại, dẫn đến mục đích hôn nhân xây dựng gia đình hạnh phúc không thể đạt được. Mặt khác ý kiến của bà C cũng đồng ý ly hôn với ông T. Vì vậy cần ghi nhận sự tự nguyên ly hôn giữa ông T và bà C theo quy định của pháp luật.

- *Về con chung*: Trong quá trình chung sống, ông T và bà C có 01 con chung tên Nguyễn Trương Khánh V, sinh ngày 20/12/2014 hiện nay đang sống với bà C. Nay về con chung ông T thống nhất để bà C được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi. Xét thấy, hiện nay cháu V đang sống với bà C, bà C cũng yêu cầu xin được nuôi con chung, phía ông T cũng đồng ý để bà C nuôi con vì vậy cần tiếp tục để cháu V được tiếp tục sống với bà C và giao cháu V cho bà C được quyền trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi là phù hợp, ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

- *Về đóng góp cấp dưỡng nuôi con*: Ông T cũng thống nhất cấp dưỡng nuôi con cho bà C mỗi tháng là 2.000.000đồng/tháng cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi, bà C cũng đồng ý. Xét thấy việc ông T thống nhất đóng góp cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật, vì vậy HĐXX cần ghi nhận sự tự nguyện của ông T về việc đóng góp cấp dưỡng nuôi chung nêu trên và buộc ông T phải có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho bà C mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung**:** Không có nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

+ Về án phí*:* Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì ông T phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và 300,000đồng án phí cấp dưỡng.

Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên đã nêu là có căn cứ và phù hợp với những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, đánh giá tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228**,** Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280, của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, khoản 1, khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Triều T.

- *Về hôn nhân*: Ông Nguyễn Triều T được ly hôn với bà Trương Thị Ngọc C.

- *Về con chung*: Bà Trương Thị Ngọc C được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 01 con chung là cháu Nguyễn Trương Khánh V, sinh ngày 20/12/2014 cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi. Ông T phải có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho bà C mỗi tháng là 2.000.000đồng/tháng cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi. Dành quyền thăm nom chăm sóc con cho ông T không ai được quyền cản trở. Thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày xét xử sơ thẩm.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- *Án phí hôn nhân sơ thẩm*: Ông T phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và 300.000đồng án phí cấp dưỡng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp là 300.000đồng, theo biên lai thu tiền số 0004730, ngày 07/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, ông T phải nộp thêm số tiền 300.000đồng án phí sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Mỹ Xuyên;*
- *Chi cục THADS huyện MX;*
- *Phòng GĐKT;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Dương Hải